

Bản án số: **292/2023/DS - PT**

Ngày: 29/9/2023

V/v: **“Tranh chấp quyền sử dụng đất”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn.**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào.**

Ông **Trần Quốc Cường.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3263/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng B, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng T; Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp - là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 12/9/2022. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Ngọc M, bà Mai Thị Tuyết N - đều là Luật sư của Văn phòng Luật sư TP; địa chỉ: Số 04 đường B1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nhung vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Mai Thị Thu H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Ngọc Đ1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 06/9/2022). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Địa chỉ: Số 01 đường H1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

3.2. Ông Hoàng T; Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

3.3. Ông Hoàng Văn V; Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

3.4. Ông Hoàng D; Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. Bà Hoàng Thị D1; Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.6. Bà Hoàng Thị Tr; Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Bà Hoàng Thị D2; Địa chỉ: Khu phố 5, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.8. Ông Hoàng Ngọc Đ1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.9. Ông Mai Quang L1, bà Hoàng Thị V1; Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2022; tại các phiên hòa giải ngày 17/5/2022, ngày 17/8/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Hoàng B trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp do bố mẹ ông Hoàng B canh tác, sử dụng trước năm 1975, sau đó để lại cho các con trong gia đình; từ thời gian đó cho

đến nay thửa đất vẫn giữ nguyên hiện trạng, gia đình ông B quản lý, sử dụng không có tranh chấp.

Năm 1997, UBND Phường Y, thành phố Đ đã đăng ký đo đạc theo thửa số 40, tờ bản đồ số 06 với diện tích 813 m² (*thể hiện tại sổ mục kê của UBND Phường*). Đến năm 2013 mẹ của ông B là bà Nguyễn Thị T1 mới làm thủ tục xin cấp GCNQSD đất với diện tích 776 m², diện tích còn lại 37 m² là 01 cái ao và rừng tre, hiện đang tranh chấp với bà H.

Năm 2014, bà Mai Thị Thu H được UBND thành phố Đ cấp GCNQSD đất (tách từ thửa đất của bà Hoàng Thị V1) đã cấp chồng lấn lên phần đất của gia đình ông B, diện tích chồng lấn khoảng 37 m², giá trị khoảng 70.000.000 đồng.

Năm 2016, mẹ ông B là bà Nguyễn Thị T1 chia thửa đất nói trên cho 04 người con trai, thời điểm này gia đình ông B vẫn chưa phát hiện được phần đất của bà H chồng lấn lên đất của gia đình ông B, vì bà H không có động thái gì để xác định ranh giới đất được cấp chồng lấn.

Tháng 8/2021, ông Hoàng D (em trai ông B) chuyển nhượng phần đất vườn cho ông Nguyễn Công B2. Sau đó Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ tiến hành đo đạc, định vị để xác định lại các thửa đất, thì gia đình ông B mới phát hiện một phần đất đã bị cấp cho hộ liền kề bà Mai Thị Thu H. Do diện tích đất này chưa được cấp GCNQSD đất, nên bà Nguyễn Thị T1 chưa chia cho các con, hiện gia đình vẫn đang sử dụng phần đất này. Ông B thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T1.

Vì vậy, ông Hoàng B làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà Mai Thị Thu H trả lại diện tích đất là 37 m² cho ông Hoàng B và các anh em trong gia đình (giá trị tạm tính khoảng 70.000.000 đồng), vị trí cụ thể:

- Phía Đông giáp đất của hộ bà Mai Thị Thu H, chiều dài 12,5m;
- Phía Tây giáp đất của hộ ông Hoàng D, chiều dài 13,3m;
- Phía Bắc giáp đường kiệt số 30 đường K – đường P, chiều dài 4m;
- Phía Nam giáp đất của hộ ông Hoàng M;

+ Đồng thời ông B yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 150193 ngày 01/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho bà Mai Thị Thu H; tại thửa số 377, tờ bản đồ số 7.

2. Tại bản trình bày ý kiến ngày 21/7/2022; tại các phiên hòa giải ngày 17/5/2022, ngày 17/8/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Mai Thị Thu H trình bày:

Năm 2014, bà Mai Thị Thu H được bố mẹ để là ông Mai Quang L1 và bà Hoàng Thị V1 lập hợp đồng tặng cho một phần thửa đất có diện tích 98 m². Ngày 01/7/2014, bà H được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 150193 với diện tích 98 m², địa chỉ thửa đất tại khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau đó, bà H xây nhà ở cho đến nay. Hiện tại thực tế phần đất tranh chấp sau khi đo đạc có diện tích 24,6 m², diện tích này nằm trong GCNQSD đất mà bà H được cấp và bà đã sử dụng ổn định cho đến nay.

Vì vậy, bị đơn bà Mai Thị Thu H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND thành phố Đ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3.2. Ông Hoàng Văn V, ông Hoàng T, ông Hoàng D, bà Hoàng Thị D2, bà Hoàng Thị Tr, bà Hoàng Thị D1 đều thống nhất ý kiến như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng B.

3.3. Ông Hoàng Ngọc Đ1 (chồng bà H) trình bày:

Phần đất đang tranh chấp này được bố mẹ bà H tặng cho con gái trong diện tích 98 m², sau đó năm 2014 được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho vợ ông bà Mai Thị Thu H. Quá trình cấp GCNQSD đất cho vợ ông là đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Hiện tại vợ chồng bà H đang sử dụng ổn định, hợp pháp diện tích đất này. Việc nguyên đơn ông Hoàng B khởi kiện yêu cầu vợ ông trả lại diện tích đất 37m² là hoàn toàn không có căn cứ.

Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3.4. Ông Mai Quang L1, bà Hoàng Thị V1 đều thống nhất như phần trình bày của con gái bà Mai Thị Thu H và đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4. Ý kiến của những người làm chứng:

4.1. Ý kiến của ông Hoàng Th trình bày:

Ông Th biết gia đình bà Nguyễn Thị T1 sử dụng thửa đất này từ năm 1975 cho đến nay, thửa đất thời điểm đó theo ông Th được biết có hình vuông.

4.2. Ý kiến của ông Hoàng M trình bày:

Thửa đất của bà Nguyễn Thị T1 trước đây được trồng rau muống, có hình vuông rất đẹp. Sau này gia đình cô H sử dụng đất có lấn sang một phần đất của bà T1 nên đất của bà T1 bị lệch đi một ít.

4.3. Ý kiến của ông Hoàng Văn C trình bày:

Gia đình ông C ở gần thửa đất của bà T1 từ năm 1960 cho đến nay, thửa đất này gia đình bà T1 dùng để trồng rau muống phục vụ cho đời sống hàng ngày, đất có hình vuông chứ không bị cheo như hiện nay.

Ngày 13/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và theo kết quả đo vẽ của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh thành phố Đ thì diện tích đất đang tranh chấp có vị trí và diện tích như sau:

Diện tích đất bà Mai Thị Thu H đang sử dụng có phần diện tích đất đang tranh chấp với ông Hoàng B được xác định vị trí:

- + Phía Đông giáp đất (tường nhà) của bà Mai Thị Thu H có chiều dài 12,83m;
- + Phía Tây giáp đất của hộ ông Hoàng D có chiều dài 13,17m;
- + Phía Nam giáp đất của ông Hoàng M;
- + Phía Bắc giáp đường kiệt bê tông (đường khu vực) có chiều rộng 3,85 m.

Tổng diện tích là 24,6m².

Diện tích này nằm trong Giấy CNQSD đất số BP 150193 ngày 01/7/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho bà Mai Thị Thu H; tại thửa số 377, tờ bản đồ số 7.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của BLTTDS;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Luật đất đai năm 2013; Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 6 Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính, hướng dẫn thủ tục đăng ký lập hồ sơ địa chính và GCNQSD đất;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa

án, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng B về việc buộc bị đơn bà Mai Thị Thu H trả lại diện tích 37m² đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 150193 ngày 01/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho bà Mai Thị Thu H; tại thửa số 377, tờ bản đồ số 7.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, về án phí sơ thẩm và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/9/2022, nguyên đơn ông Hoàng B có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo đúng quy định pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án giai đoạn phúc thẩm, xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án cấp phúc thẩm ra Quyết định Ủy thác thu thập chứng cứ số 02/2023/QĐ-UTTA ngày 12/01/2023 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xem xét, thẩm định tại chỗ và vẽ sơ đồ tổng thể diện tích đất tranh chấp đối với thửa đất của bà Nguyễn Thị T1, ông Mai Quang L1 và bà Hoàng Thị V1; so với diện tích được cấp theo GCNQSDĐ của hai hộ và đất thực tế sử dụng, (trừ diện tích đã tặng cho mua bán) tăng hay giảm bao nhiêu. Nhưng người kháng cáo không đồng ý đo đạc lại bản đồ số 7. Tại phiên tòa hôm nay người khởi kiện đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hoàng B, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của ông B về việc buộc bị đơn bà Mai Thị Thu H trả lại diện tích 37m² đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 150193 ngày 01/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho bà Mai Thị Thu H; tại thửa số 377, tờ bản đồ số 7.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Nguyên đơn ông Hoàng B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn bà Mai Thị Thu H trả lại một phần diện tích đất là 37 m² và yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 150193 ngày 01/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho bà Mai Thị Thu H; tại thửa số 377, tờ bản đồ số 7. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo khoản 9 Điều 26, Điều 34 của BLTTDS để thụ lý giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của ông Hoàng B, thấy rằng:

[2.1] Diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ bà H (ông Mai Quang L1, bà Hoàng Thị V1) sử dụng và xây nhà ở từ năm 1989 cho đến nay. Đến năm 2004 thì bố mẹ bà H là ông Mai Quang L1, bà Hoàng Thị V1 được UBND thị xã Đ cấp GCNQSD đất với diện tích 452 m², theo GCNQSD đất số Đ 645002 ngày 15/6/2004, thửa đất này được sử dụng ổn định và không có tranh chấp.

Năm 2014, bà Mai Thị Thu H được bố mẹ là ông Mai Quang L1, bà Hoàng Thị V1 lập hợp đồng tặng cho một phần thửa đất có diện tích 98 m². Ngày 01/7/2014, bà H được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 150193 với diện tích 98 m², địa chỉ thửa đất tại khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau đó, bà H xây nhà ở cho đến nay. Hiện tại thực tế thửa đất sau khi đo đạc có diện tích 24,6 m² nằm trong khuôn viên sử dụng đất mà bà H được cấp GCNQSD đất và bà H sử dụng ổn định cho đến nay.

[2.2] Việc nguyên đơn ông Hoàng B cho rằng thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc do ông bà của ông B để lại trước năm 1975. Tuy nhiên, ông B không cung cấp được một tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh điều này.

Năm 2013, mẹ của ông B là bà Nguyễn Thị T1 được cấp GCNQSD đất với diện tích 776m². Phần đất đang tranh chấp này theo kết quả đo đạc có diện tích 24,6 m² không nằm trong diện tích được cấp GCNQSD đất cấp cho bà T1.

Ngoài ra, theo ông B trình bày, năm 1997, UBND Phường Y, thành phố Đ đã đăng ký đo đạc thửa số 40, tờ bản đồ số 06 với diện tích 813 m² được cấp cho gia đình ông B. Tuy nhiên, HĐXX thấy rằng, tại Sổ mục kê đất năm 1997 của UBND Phường Y, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Quảng Trị đã thể hiện diện tích đất 813 m² **là đất chưa giao**, không phải đất của gia đình ông B.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật đất đai 2013 thì “*Cấp Giấy chứng*

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật”.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Quyết định Ủy thác thu thập chứng cứ số 02/2023/QĐ-UTTA ngày 12/01/2023 để xem xét, thẩm định tại chỗ và vẽ sơ đồ tổng thể diện tích đất tranh chấp đối với thửa đất của bà Nguyễn Thị T1; ông Mai Quang L1 và bà Hoàng Thị V1. So với diện tích được cấp theo GCNQSDĐ của hai hộ và đất thực tế sử dụng, (trừ diện tích đã tặng cho mua bán) tăng hay giảm, bao nhiêu nhưng người kháng cáo không đồng tình và **có đơn đề nghị không đo đạc lại**. Tại phiên tòa hôm nay, ông Hoàng B không có tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh việc gia đình ông được cơ quan có thẩm quyền giao đất đối với phần diện tích đất tranh chấp này. Vì vậy, việc ông Hoàng B khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn chị Mai Thị Thu H trả lại diện tích đất 37m² cho gia đình ông Hoàng B là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Mặt khác, mẹ của ông B đã tặng cho và tách thửa cho bốn anh em của ông B (gồm: ông B, ông D, ông T và ông V), trong đó đất của ông Hoàng D (em trai của ông B) được cấp GCNQSD đất số CD 976947 ngày 28/7/2016, có diện tích 232m², liền kề với đất bà H. Tuy nhiên, hiện tại đất của ông D vẫn đủ diện tích, đúng vị trí và tứ cận như được cấp trong GCNQSD đất.

[2.5] Những người làm chứng ông Hoàng Thường, ông Hoàng Miều, ông Hoàng Văn C đều trình bày: diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của bà T1 sử dụng trước đây; tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có căn cứ để chấp nhận việc ông Hoàng B khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn chị Mai Thị Thu H trả lại diện tích đất 37m² cho gia đình ông Hoàng B là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất số BP 150193 đã cấp cho bà H. HĐXX thấy rằng:

[3.1] UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 150193 ngày 01/7/2014 cho bà Mai Thị Thu H; tại thửa số 377, tờ bản đồ số 7 với diện tích 98 m².

[3.2] Qua xem xét, đánh giá cho thấy: UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị Thu H số BP 150193 ngày 01/7/2014; tại thửa số 377, tờ bản đồ số 7, địa chỉ tại khu phố 4, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền cũng như nguồn gốc sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật đất đai năm 2013; Điều

70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có căn cứ để tuyên hủy Giấy chứng nhận QSD đất theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được phân tích tại các mục nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng B là có cơ sở, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: ông Hoàng B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm về án phí, chi phí thẩm định không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành theo án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Luật đất đai năm 2013; Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 6 Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính, hướng dẫn thủ tục đăng ký lập hồ sơ địa chính và GCNQSD đất; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng B về việc buộc bị đơn bà Mai Thị Thu H trả lại diện tích 37m² đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 150193 ngày 01/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị cấp cho bà Mai Thị Thu H; tại thửa số 377, tờ bản đồ số 7.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông

Hoàng B đã nộp tại Biên lai số 0000161 ngày 10/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HSVA, LT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tồn